

Số: /TB-CCTT&BVTV

Vinh Phúc, ngày tháng 5 năm 2021

THÔNG BÁO
TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI CÂY TRỒNG 7 NGÀY
(Từ ngày 05/05 đến ngày 11/5/2021)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Trong tuần trời nắng, có mưa rào nhẹ. Lượng mưa đo được tại Vĩnh Yên 8 mm (thấp hơn CKNT). Nhiệt độ trung bình 29°C (thấp hơn CKNT), cao nhất 37°C, thấp nhất 23°C.

Âm độ trung bình 60 - 70% (thấp hơn CKNT).

Số giờ nắng đạt 50 - 55 giờ (tương đương CKNT).

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

Diện tích gieo trồng vụ Đông Xuân 2020 - 2021:

- Lúa xuân: Diện tích lúa gieo, cấy: 29.676,4 ha

+ Lúa Xuân sớm: Chắc xanh - thu hoạch

+ Lúa Xuân muộn (trở - chắc xanh - đỏ đuôi).

+ Diện tích lúa đã trở: 29.331,1 ha.

- Ngô: 2.061,9 ha (chắc hạt - thu hoạch);

- Đậu tương: 57,2 ha (chắc hạt - quả già);

- Lạc: 1.538 ha (củ già);

- Khoai lang: 293,2 ha (phát triển củ)

- Rau các loại: 2.795,5 ha (các giai đoạn);

- Cây trồng khác: 1.984,5 ha (các giai đoạn).

Thời tiết trong tuần nắng, có mưa rào nhẹ. Cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt. Một số đối tượng sinh vật gây hại ở mức độ nhẹ - trung bình, nặng cục bộ.

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI 7 NGÀY QUA

Trưởng thành vào bẫy đèn (con/đèn/đêm): Sâu đục thân 2 chấm 0,4 con (tương đương kỳ trước), nơi cao 4 con (Lập Thạch); Sâu đục thân cú mèo 0,04 con (thấp hơn kỳ trước), nơi cao 1 con (Tam Dương, Vĩnh Tường); Rầy nâu 3 con (thấp hơn kỳ trước), nơi cao 15 con (Lập Thạch); Rầy lưng trắng 1,4 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 14 con (Sông Lô); Rầy xanh đuôi đen 0,4 con (tương

đương kỳ trước), nơi cao 4 con (Sông Lô); Sâu cuốn lá nhỏ 0,4 con (thấp hơn kỳ trước), nơi cao 2 con (Phúc Yên, Bình Xuyên).

1. Trên lúa

- Trên lúa Xuân sớm

+ Rầy nâu, rầy lưng trắng (tuổi 3, 4, 5 và trưởng thành) gây hại cục bộ, mật độ phổ biến 30 - 40 con/m², cao 350 - 450 con/m², cục bộ 1.200 - 1.300 con/m² (Yên Lạc, Lập Thạch).

+ Bệnh đạo cổ bông gây hại cục bộ với tỷ lệ bông hại phổ biến 0,1 - 0,3%, nơi cao 2 - 3% (Bình Xuyên, Yên Lạc).

+ Bệnh bạc lá gây hại cục bộ với tỷ lệ lá hại phổ biến 1 - 1,2%, nơi cao 10 - 15%, cục bộ 30 - 50% (Bình Xuyên).

+ Bệnh khô vằn gây hại diện rộng với tỷ lệ cây hại phổ biến 2 - 4%, nơi cao 30 - 40% (Bình Xuyên, Yên Lạc,...).

+ Chuột gây hại cục bộ với tỷ lệ bông hại phổ biến 1,4 - 1,5%, cao 5 - 10%, cục bộ 10% (Bình Xuyên).

Ngoài ra sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ hại nhẹ rải rác.

- Trên lúa Xuân muộn

+ Sâu đục thân 2 chấm (tuổi 3, 4, 5) gây hại rải rác, tỷ lệ bông bạc phổ biến 0,2 - 0,3%, cao 1 - 1,5%, cục bộ 5% (Lập Thạch).

+ Sâu cuốn lá nhỏ (trưởng thành) gây hại rải rác, mật độ phổ biến 0,5 - 0,7 con/m², cao 3 - 4 con/m² (Sông Lô, Bình Xuyên).

+ Rầy (tuổi 3, 4, 5) gây hại cục bộ, mật độ phổ biến 50 - 60 con/m², cao 160 - 170 con/m², cục bộ 700 - 900 con/m² (Phúc Yên).

+ Bệnh đạo cổ bông gây hại rải rác với tỷ lệ lá hại phổ biến 0,3 - 0,5%, nơi cao 5 - 6%, cục bộ trên 10% (Phúc Yên, Tam Đảo...).

+ Bệnh bạc lá gây hại rải rác với tỷ lệ bông hại phổ biến 1 - 2%, nơi cao 10 - 15%, cục bộ 40 - 50% (Yên Lạc, Phúc Yên).

+ Bệnh khô vằn gây hại diện rộng với tỷ lệ cây hại phổ biến 5 - 7%, nơi cao 50 - 60% (Phúc Yên, Bình Xuyên, Vĩnh Yên).

+ Chuột gây hại với tỷ lệ bông hại phổ biến 0,5 - 0,8%, cao 1 - 2%, cục bộ 17% (Bình Xuyên).

Ngoài ra sâu đục thân cú mèo hại cục bộ.

2. Cây rau, màu

- Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu gây hại nhẹ, mật độ phổ biến 0,1 - 0,3 con/m², cao 1 - 2 con/m² (Vĩnh Tường, Sông Lô).

- Trên cây rau su su: Bệnh sương mai hại nhẹ, tỷ lệ lá hại phổ biến 0,1 - 0,3%, cục bộ 5 - 7% (Tam Đảo).

- Trên cây rau thập tự: Sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, bọ nhảy gây hại nhẹ (Phúc Yên, Vĩnh Yên).

3. Cây ăn quả (nhãn, vải, xoài)

- Cây nhãn, vải: Bệnh sương mai gây hại nhẹ.

- Cây xoài: Bệnh thán thư gây hại nhẹ.

4. Cây lâm nghiệp (thông, keo): Sâu róm thông, sâu kèn nhỏ gây hại nhẹ.

III. DỰ BÁO TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TỪ NGÀY 12/5 - 18/5/2021

1. Cây lúa

- Trên lúa Xuân sớm: Lúa chín - thu hoạch

- Trên lúa Xuân muộn: Sâu đục thân, chuột, rầy, sâu cuốn lá nhỏ, bệnh khô vằn, đạo ôn cổ bông... hại rải rác. Chú ý bệnh bạc lá, sâu cuốn lá nhỏ hại diện tích lúa trổ muộn sau 10/05 cần theo dõi và có biện pháp phòng chống kịp thời.

2. Cây ngô

Chú ý theo dõi sâu keo mùa thu phát sinh gây hại để có biện pháp phòng chống kịp thời.

3. Cây rau

- Trên rau thập tự: Các đối tượng sâu bệnh gây hại nhẹ.

- Trên cây su su: Bệnh sương mai gây hại nhẹ.

4. Cây ăn quả (nhãn, vải, xoài)

- Cây nhãn, vải: Các đối tượng sinh vật gây hại nhẹ.

- Cây xoài: Các sinh vật gây hại rải rác.

IV. ĐỀ NGHỊ VÀ CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ

1. Đề nghị

- Thu hoạch nhanh gọn diện tích lúa Xuân đã chín với phương châm ‘xanh nhà hơn già đồng’ để tránh lũ tiểu mãn, rầy nâu gây hại. Thu hoạch đến đâu cày vùi gốc rạ ngay đến đó, đồng thời sử dụng vôi bột hoặc một số chế phẩm để xử lý rơm rạ nhằm hạn chế nguồn sâu bệnh chuyển sang vụ mùa.

- Trạm Trồng trọt & BVTV các huyện, thành phố thường xuyên thăm đồng, kiểm tra, phát hiện sớm các đối tượng sinh vật gây hại chú ý rầy, bệnh đạo ôn cổ bông, bệnh khô vằn, sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, chuột,...). Phối hợp với phòng Nông nghiệp & PTNT (phòng Kinh tế) chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn phòng chống sinh vật gây hại kịp thời an toàn, hiệu quả.

- Đề nghị các xã, phường, thị trấn đôn đốc, hướng dẫn nông dân phòng chống các đối tượng sinh vật gây hại kịp thời, đặc biệt là bệnh đạo ôn cổ bông gây hại

không để bệnh lây lan ra diện rộng.

2. Biện pháp quản lý

- Trên lúa Xuân

+ Bệnh đạo ôn, khi tỷ lệ bệnh từ 2,5% bông hại dùng thuốc đặc hiệu như: Bankan 600WP, Amistar Top 325 SC, Fuji-one 40EC, Folia 525SE, ... Những ổ bệnh nặng trên 5% bông hại cần phun nhắc lại lần 2 cách lần 1 từ 5 - 7 ngày.

+ Bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn cần phun ngay bằng các loại thuốc: Totan 200WP, Ychatot 900SP, Avalon 8WP, Kasumin 2SL, Starner 20WP... Những ruộng bệnh nặng trên 40% lá hại cần phun nhắc lại lần 2 cách lần 1 từ 5 - 7 ngày.

+ Bệnh khô vằn, khi có 10% danh hại dùng: Tiltsuper 300EC, Vali 5SL, Chevin 40WG, Anvil 5SC, Jिंगgang meisu 5SL, Validacin 5SL ...

+ Rầy nâu, rầy lưng trắng gây hại: Khi mật độ trên 3.000 con/m² (thời kỳ lúa chắc xanh) cần rẽ băng rộng từ 0,8 - 1 m, dùng thuốc Bassa 50EC, Nibas 50EC, Vibasa 50EC, Jetan 50EC... Nếu mật độ cao trên một vạn con/m² cần phun nhắc lại lần 2 cách lần 1 từ 5 - 7 ngày.

+ Sâu đục thân, sâu cuốn lá dùng: Virtako 40WG, Patox 95SP, Nicata 95SP, ...

- Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu dùng thuốc: Bitadin WP, Angun 5WG, Emaben 3,6WG, Proclaim[®] 5WG, Lufen extra 100EC,...

Lưu ý: Khi phun cần tuân thủ theo nguyên tắc 4 đúng và đảm bảo thời gian cách ly trước khi thu hoạch.

- Tiếp tục diệt chuột tập trung ở những diện tích bị chuột gây hại. Sử dụng các biện pháp thủ công, dùng bẫy lồng, bẫy sập, bả chuột ít độc hại để diệt chuột bảo đảm an toàn cho sản xuất và đời sống.

Trên đây là Thông báo tình hình sinh vật hại cây trồng 7 ngày (từ ngày 05/5 - 11/5/2021), Chi cục Trồng trọt & BVTV Vĩnh Phúc trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Cục BVTV (b/c);
- VP UBND tỉnh (b/c);
- Sở NN&PTNT (b/c);
- Cục Thống kê tỉnh;
- TT BVTV phía Bắc;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Các đơn vị liên quan;
- Phòng NN&PTNT (Kinh tế) các huyện, thành phố;
- Lưu: BVTV.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Anh Tuấn

BẢNG THỐNG KÊ
DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG SINH VẬT HẠI CHÍNH TRÊN CÂY TRỒNG
(Từ ngày 05/05/2021 đến ngày 11/5/2021)

Cây trồng	GDST	Sinh vật hại	Mật độ sâu, tỷ lệ hại				Diện tích nhiễm (ha)					DTN so CKNT (ha)	DTPT (ha)	Phân bố
			ĐVT	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng	Nhẹ	TB	Nặng	Mtr			
Lúa xuân sớm	chắc xanh – thu hoạch	Rầy	Con/m ²	1025			6	6				-34	-	Cục bộ
		Chuột	%BH	5	10		10	5	5			-	-	Rải rác
		Bệnh bạc lá	%LH	15	30	50	5,2	3,2	1,5	0,5		-4,8	-	Cục bộ
		Bệnh đạo cổ bông	%BH	2,5			0,15	0,15				-0,35	-	Cục bộ
		Bệnh khô vằn	%DH	10	30		40	30	10			-40	-	Rộng
Lúa xuân muộn	Đòng già - trổ - chín đỏ đuôi	Rầy	Con/m ²	840			1	1				-11	1	Cục bộ
		Chuột	%BH	3,4	7,5	16,6	56	31	20	5		+15	51	Rải rác
		Sâu đục thân 2 chấm	%BB	3,82			27	27				-	25	Rải rác
		Bệnh khô vằn	%DH	11,7	28,2	51,8	1728	1225	450	53		+308	1025	Rộng
		Bệnh bạc lá	%LH	12,3	31,3	46	34,3	25	5,3	4		-90,8	33,3	Rải rác
		Bệnh đạo cổ bông	%BH	4,2	7,3		12	6,4	5,1	0,5		5,8	23,2	Rải rác
Tổng DT nhiễm SB						1919,65	1359,75	496,9	63			1158,5		

Ghi chú:GDST: Giai đoạn sinh trưởng; ĐVT: Đơn vị tính; TB: Trung bình; Mtr: Mất trắng; DTN: Diện tích nhiễm; LH: Lá hại; DH: Dảnh hại; CH: Cây hại; CKNT: Cùng kỳ năm trước; PTTL: Phát triển thân lá; DTPT: Diện tích phòng trừ.

Cán bộ tổng hợp: KS.Trần Thị Đoàn Trang.